TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh 0**

Bản án số: 297/2019/HS-PT
Ngày: 14- 11- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 224/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh S và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2019/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Trần Minh S,** sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp B, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Lê Thị P, 67 tuổi (sống); có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16- 9- 2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc". Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa).*

2. **Trương Hoàng P1**, sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp H, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H1, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Lê Kim H2, sinh năm 1944 (chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị

áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa)*.

3. **Đỗ Thanh T2**, sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp H3, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T3, sinh năm 1965 (sống) và bà Lại Thị H4, sinh năm 1961 (sống); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh S*:

1. Luật sư Lê Anh Tuấn- Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp *(có mặt)*.

2. Luật sư Nguyễn Quốc Huy- Chi nhánh Công ty Luật TNHH Chấn Hoàng và Cộng sự tại Vĩnh Long thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ *(có mặt)*.\

- *Bị hại*: Bùi Thế Đ, sinh năm 1976 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Khu dân cư B1, ấp A, xã T4, huyện Đ1, tỉnh Bến Tre.

Cư trú: Số XX2 TX Block D khu G, xã K, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Thanh S1 không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thế Đ là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư và phát triển Đ2 có trụ sở tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ngày 08- 4- 2018, anh Đ đến xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp khảo sát việc nuôi chim Yến rồi đến quán nước trước nhà anh Lê Văn S2 (người quen của Đ) thuộc ấp H, xã T1 uống bia. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Phạm S3 đến quán anh S2 uống nước, sau đó S3 có ý thách thức và rủ Đ đánh bài ăn thua bằng tiền nhưng Đ không chơi nên cả hai xảy ra cự cải. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, S3 cùng với Đỗ Thanh T2 đến quán anh S2 tiếp tục rủ Đ đánh bài ăn thua bằng tiền thì Đ đồng ý, lúc này Đỗ Thanh S1 và Trương Hoàng P1 có điện thoại hỏi S3 đang ở đâu, thì S nói là đang ở quán nhà Lê Văn S2 nên S1 và P1 cùng chạy đến, sau đó tham gia đánh bài cùng với Đ, còn S3 do vừa cự cải với Đ nên không tham gia. Hình thức chơi bài là loại bài cào 03 lá, chia làm 02 tụ, Bùi Thế Đ 01 tụ, S1, P1, T2 01 tụ, hai bên thống nhất nhờ Nguyễn Minh Q và Cao Văn T4 (là hai người đang uống bia tại quán anh S2) chia bài dùm. Mỗi bên làm cái 03 ván, sau khi chia bài xong mới đặt tiền và mở bài, mỗi ván đặt thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 300.000 đồng. Chơi bài trong khoảng thời gian từ 18 giờ 45 phút đến 19 giờ 05 phút thì Bùi Thế Đ thắng được

1.700.000 đồng, S1, P1, T2 thua nên lấy theo bộ bài rồi cùng S3 ra về.

Sau khi về đến nhà cha ruột của 3, thì S1, P1 và T2 kiểm tra bộ bài vừa đánh với Đ phát hiện bài có làm dấu nên S1, P1 và T2 thống nhất quay lại nhà anh S 2yêu cầu Đ trả lại tiền. S1 và P1 đi trước, T1 đi theo sau, khi đến nhà anh S2, P1 nói với Đ: *"Mày chơi bài gian lận thì trả lại tiền cho tao nếu không thì không yên với tao đâu"*, S1 nói tiếp *"Mày chơi gian lận ăn tiền anh em tụi tao thì trả tiền cho anh em tụi tao"*. Đ không đồng ý trả vì không chơi gian lận nên xảy ra đánh nhau, S1 và P1 cầm ghế bằng gỗ tại quán trước nhà anh S2 đánh trúng tay phải Đ, thấy vậy anh S2 chạy ra can ngăn thì bị đánh trúng vùng trán chảy máu. Đ bỏ chạy vào nhà anh S2 đóng cửa lại. Lúc này, T2 cũng đến rồi cả ba cùng yêu cầu Đ ra khỏi nhà anh S2 và trả tiền lại, đồng thời Đỗ Thanh S1 điện thoại cho Trần Minh S nói: *"Ở đây có thằng chơi bài gian lận, mày vô lấy tiền cho anh em tụi tao"* thì S đồng ý. Sau khi đến, S nói với người nhà anh S2: "*Vụ đánh bài tao không biết tới nhiều, có ăn thì trả lại cho êm xuôi"*, sau đó có khoảng hơn 10 người lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) cùng kéo đến nhà anh S2 gây áp lực yêu cầu Đ ra khỏi nhà đưa tiền, lúc này T5 và S4 cùng ngụ xã T1 cũng có mặt tại nhà S2. Trong nhóm người có mặt tại nhà anh S2 thì có người đòi Đ phải trả tiền là 50.000.000 đồng, rồi giảm xuống 40.000.000 đồng nhưng không xác định được ai yêu cầu, sau đó Đỗ Thanh S1 nói với S yêu cầu Đ đưa 30.000.000 đồng. Thấy vậy, vợ anh S2 là Nguyễn Thị Đ3 điện thoại cho Công an xã T1 đến giải quyết nhưng do anh S2 khai bị đánh không yêu cầu xử lý nên Công an xã chỉ lập biên bản, yêu cầu nhóm của S1 giải tán.

Sau khi Công an xã T1 về thì S1, P1, T2 và các đối tượng lạ mặt tiếp tục la lối gây áp lực để buộc Đ đưa tiền, S là người sẽ đứng ra nhận tiền, nhưng Đ không đồng ý mà yêu cầu đến sáng ngày 09- 4- 2018 đến Công an để giải quyết nhưng nhóm của P1 không chịu mà tiếp tục gây áp lực buộc Đ ra khỏi nhà trả tiền. Lúc này, gia đình anh S2 tiếp tục điện thoại cho Công an xã T1 báo bị các đối tượng vây quanh nhà gây áp lực buộc Đ đưa tiền, khi Công an xã T1 đến giải thích cho nhóm S1 nếu còn gây rối thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải tán rồi ra về mà không tiến hành lập biên bản. Đến gần 03 giờ sáng ngày 09- 4- 2018 do thấy Đỗ Thanh S1, Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2, Trần Minh S cùng các đối tượng gây áp lực buộc đưa tiền và Công an xã T1 đến 02 lần mà không giải tán được, sợ ảnh hưởng đến gia đình anh S2 và bản thân nên Bùi Thế Đ đã đưa 30.000.000 đồng cho S để các đối tượng đi về.

Sau khi lấy được tiền, S mang 30.000.000 đồng đến trước sân nhà của cha S3 đưa cho nhóm của S1, trong đó P1 lấy 3.000.000 đồng; Đỗ Thanh S1 lấy 1.600.000 đồng; Đỗ Thanh T2 lấy 3.500.000 đồng. Số tiền còn lại, Trần Minh S Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh S1 và Đỗ Thanh T2 đều khai không rõ ai lấy, vì lúc chia tiền còn có vài người lạ không nhớ mặt, không biết họ tên địa chỉ, nên cho rằng những người này lấy số tiền còn lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã tạm giữ của Lê Văn S2 02 cái ghế bằng gỗ đã bị hư hỏng, mặt ghế hình vuông kích thước 24cm x 24cm, có trọng lượng 1,9kg và 2,05kg là tang vật mà S1 và P1 dùng để đánh Bùi Thế Đ và Lê Văn S2. Do ghế bị hư hỏng nên anh S2 không yêu cầu nhận lại đồng thời không yêu cầu xử lý đối với người đã đánh anh.

Bùi Thế Đ yêu cầu nhóm của S1 trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 30.000.000 đồng, đối với việc bị đánh trúng tay Đ không yêu cầu xử lý. Ngày 04-10- 2018, Đỗ Thanh S1, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 mỗi người đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng để trả lại cho bị hại Bùi Thế Đ, sau đó Đ đã làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho S1, P1, T2 và Trần Minh S.

Trước Cơ quan điều tra, các bị cáo Đỗ Thanh S1, Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2 và Trần Minh S) không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Đỗ Thanh S1, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 cho rằng chỉ lấy lại tiền thua bạc và khai đánh bạc cùng Bùi Thế Đ chia làm 02 tụ, 01 tụ là Đ và em vợ anh S2, 01 tụ là S1, P1, T2 và vài người lạ không biết mặt, không rõ họ tên địa chỉ ké bên ngoài. Sau khi đánh bạc, S1 thua 1.600.000 đồng, P1 thua 3.000.000 đồng, T2 thua 7.000.000 đồng, những người bên ngoài không rõ đặt mỗi ván bao nhiêu và ăn thua ra sao. Do thua bài và phát hiện bài có làm dấu nên cả ba thống nhất cùng nhau đến gặp Đ đòi tiền, thấy Đ vào nhà anh S2 đóng cửa, đòi không được tiền nên S1 điện thoại cho S vào lấy lại tiền dùm, S đồng ý. Tuy nhiên, qua lời khai bị hại, các nhân chứng cùng các chứng cứ thu thập được đủ cơ sở xác định việc đánh bài chỉ có Đ cùng S, P1 và T2 tham gia, ngoài ra không có ai khác. Sau khi nghỉ, Đ chỉ thắng 1.700.000 đồng, trong đó Đ cho hai người chia bài Nguyễn Minh Q và Cao Văn T4, mỗi người 500.000 đồng, trả tiền bia cho quán anh S 2là 700.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng đưa cho nhóm của S là tiền của Đ, không có tiền thắng bạc. Sau khi sự việc xảy ra, nhóm của S không xác định được bộ bài ở đâu, S, T2 và P1 mỗi người chỉ biết số tiền mình tham gia đặt cược, không rõ những người còn lại đặt cược và ăn thua thế nào nên lời khai của S, P1 và T2 về số tiền thua bạc và cho rằng Đ chơi bài gian lận là không có cơ sở.

Bị cáo Trần Minh S cho rằng chỉ đứng ra hoà giải giữa nhóm của S với bị hại Bùi Thế Đ và khai khi nghe điện thoại của S nói có người chơi bài gian lận thì có đến nhà anh S2, Sơn đen không biết vụ việc đánh bài gian lận ăn thua như thế nào, khi đến nơi thì có nhiều người la lối gây áp lực buộc Đ đưa tiền. Do sợ nhóm của S gây rối nên Sơn có nói với gia đình anh S2 kêu Đ trả tiền cho êm xuôi. Ban đầu nhóm của S yêu cầu đưa 50.000.000 đồng nhưng không rõ ai yêu cầu. Sau đó Đ đưa 30.000.000 đồng thì nhóm của S chấp nhận, Sơn đen đứng ra nhận tiền rồi đưa lại cho Trương Hoàng P1. Những người này chia tiền thế nào Sơn đen không biết và cũng không có nhận gì từ tiền lấy của anh Đ. Tuy nhiên, qua lời khai của bị hại, lời khai của các Công an viên xã Hoà Tân đã tham gia giải quyết vụ việc,

các người làm chứng đã xác định không có việc hoà giải hay thoả thuận nào giữa nhóm của S với bị hại Bùi Thế Đ về việc sẽ đưa 30.000.000 đồng để trả lại số tiền đã đánh bài ăn.

Phạm Văn Sơn (đồng hồ) khai do tức giận về việc cãi nhau với Đ nên có rủ S, P1, T2 đến nhà anh S2 đánh bài cùng Đ. Việc đánh bài có gian lận hay không, ăn thua thế nào, S không biết vì không có tham gia. Sau khi chơi bài xong, có nghe S nói Đ chơi bài gian lận nhưng S không cùng với nhóm của S đến nhà anh S2 đòi tiền Đ. Trong lúc nhóm của S đòi tiền Đ thì S có đến nhà anh S2 nhưng chỉ đến đứng bên ngoài xem sự việc thế nào. Sau khi nhóm của S lấy tiền, do nhà cha S còn mở đèn nên nhóm của S tự ý vào sân chia tiền, S không tham gia nhận nên không biết tiền chia như thế nào. Lời khai của S phù hợp với lời khai của bị hại và các bị can S, P1, T2.

Đối với Trương Minh T6 khai khoảng 24 giờ ngày 08- 4- 2018, Trần Minh S có điện thoại rủ T6 đến nhà anh S2 xem bắt được người đánh bài gian lận nên T6 cùng với người bạn tên H5 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà anh S2. Khi đến, T6 chứng kiến có hơn 10 người đứng xung quanh nhà anh S2 kêu Đ ra đưa tiền, trong đó có 02- 03 người cầm chai và đạp cửa nhà anh S2, nhưng T6 chỉ đứng bên ngoài xem sự việc chứ không tham gia đòi tiền anh Đ. Sau khi Sơn đen lấy được tiền thì T6 về, việc chia tiền thế nào T6 không biết. Hiện tại, Trương Minh T6 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa làm việc và tiến hành đối chất được. Đối với Trần Văn S 4 sau khi sự việc xảy ra đã đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được.

Tại Bản án số 24/2019/HS- ST ngày 26- 7- 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2 và Đỗ Thanh S phạm tội "Cưỡng đoạt T6 sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng P1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51,

khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh S 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, bị cáo Đỗ Thanh T2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa P1 thẩm, các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 thừa nhận hành vi vi phạm, thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo tội "Cưỡng đoạt T6 sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nhưng các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là nặng nên các bị cáo làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo vì các bị cáo đã tự nguyện trả lại tiền cho bị hại và bị hại có đơn yêu cầu bãi nại cho các bị cáo, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt T6 sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa P1 thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi vi phạm, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp P1 thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo Trần Minh S, bị cáo Trương Hoàng P1 một phần hình phạt từ 01 tháng đến 03 tháng tù, do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Sơn, P1. Riêng đối với bị cáo Đỗ Thanh T2 do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm là có khoan hồng đối với bị cáo nên mặc dù nay bị cáo T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức án mà Tòa án sơ thẩm xét xử là đã phù hợp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T2, giữ nguyên mức án như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Tại phiên tòa P1 thẩm, Luật sư Lê Anh Tuấn bào chữa cho bị cáo Trần Minh S phát biểu cho rằng bị cáo Trần Minh Sơn không phạm tội "Cưỡng đoạt T6 sản" do bị cáo không có hành vi đe dọa sử dụng vũ lực đối với bị hại.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Quốc Huy bào chữa cho bị cáo Trần Minh S phát biểu: Việc Viện kiểm sát sơ thẩm truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo

Trần Minh S về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì: Bị cáo S đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo Sơn theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo S có cha mẹ là thương bệnh binh, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là con nhà nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị xử bị cáo Sơn dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo S, P1 và T2 không tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét thấy vào ngày 08- 4- 2018 do đánh bài thua và cho rằng Bùi Thế Đ chơi bài gian lận nên khoảng 20 giờ cùng ngày, Đỗ Thanh S, Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2 cùng nhau đến nhà Lê Văn S2, ngụ ấp H, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đe dọa, gây áp lực đòi Đ phải đưa tiền. Sau khi bị S và P1 gây áp lực thì Bùi Thế Đ chạy vào nhà anh S2 đóng cửa lại. Do không lấy được tiền nên Đỗ Thanh S điện thoại cho Trần Minh S đến nhà anh S2 lấy tiền dùm. Mặc dù không biết được việc đánh bài ăn thua thế nào, nhóm của S thua bao nhiêu nhưng Trần Minh S đã cùng với các bị cáo khác, cùng với nhiều đối tượng có mặt tại nhà anh S2 trong khoảng thời gian dài từ khoảng 21 giờ ngày 08- 4- 2018 đến gần 03 giờ sáng ngày 09- 4- 2018 la hét đòi Đ trả tiền và dù Công an xã T1 nhiều lần đến yêu cầu giải tán nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục ở lại, la lối, đe dọa bị hại Đ và gia đình anh S2 buộc bị hại Đ phải đưa tiền cho các bị cáo. Vì lo sợ ảnh hưởng đến bản thân và những người trong gia đình anh S2 nên bị hại Đ buộc phải đưa cho các bị cáo 30.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo không chỉ đe dọa, uy hiếp tin thần bị hại Đ mà còn đe dọa, uy hiếp gia đình anh S2, buộc bị hại Đ phải đưa tiền cho các bị cáo, đến khi nhận được tiền từ bị hại thì các bị cáo mới chấm dứt hành vi. Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 26- 7- 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 về tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó quan điểm của Luật sư Lê Anh Tuấn cho rằng bị cáo Trần Minh S không phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" là không có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 xin được hưởng án treo, xin giảm nhẹ hình phạt với lý do là các bị cáo đã khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho các bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa P1 thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết mới phát sinh nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 một phần hình phạt, vậy nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư Nguyễn Quốc Huy về việc cho bị cáo Trần Minh S được hưởng án treo. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1, sửa án sơ thẩm về hình phạt đối với 02 bị cáo. Đối với bị cáo Đỗ Thanh T2, do bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét ở vai trò thứ yếu và được xét xử dưới khung hình phạt mà bị cáo đã phạm trong khi bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ ở điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên nay mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo ở điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì cũng chỉ đủ điều kiện để xét xử dưới khung hình phạt và thấy rằng mức án 06 tháng tù đối với bị cáo là đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y án sơ thẩm về phần này.

[3] Đối với nhận định của Bản án sơ thẩm về hành vi đánh bạc của các bị cáo Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2, Đỗ Thanh S và các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1, Đỗ Thanh T2, Đỗ Thanh S và một số đối tượng khác có dấu hiệu của hành vi gây rối trật tự công cộng đang được Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tách ra làm rõ, khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau là phù hợp.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa P1 thẩm là có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của người bào chữa cho các bị cáo là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự P1 thẩm. Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thanh T2 không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự P1 thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thanh T2.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HS- ST ngày 26- 7- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 và giữ y quyết định về hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thanh T2.

2. Tuyên bố các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 và Đỗ Thanh T2 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng P1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Minh S, Trương Hoàng P1 không phải chịu án phí hình sự P1 thẩm.

Bị cáo Đỗ Thanh T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự P1 thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P1 thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-TA-VKS-THADS huyện T;
-CQCSĐT Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

Nguyễn Tuấn Anh